



YANMAR

Máy kéo

EF393T

39 Mã lực



CÔNG TY TNHH MÁY NÔNG NGHIỆP YANMAR VIỆT NAM

Trụ sở chính

Tầng 7, Tòa nhà ITAXA
126 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
Điện thoại: +84 28 3920 9626

Văn phòng đại diện

Tầng 12A, Tòa nhà Geleximco,
36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội
Điện thoại: +84 24 3217-1045/1046

Tổng đài Yanmar Việt Nam

1900 9286

Tìm Yanmar Việt Nam trên internet



facebook.com/maynongnghiepyanmar



youtube.com/yanmarvietnam



www.yanmar.com/vn



Trọng lượng nhẹ và hiệu suất hoạt động mạnh mẽ

Trọng lượng nhẹ và được trang bị động cơ chất lượng cao thừa hưởng truyền thống của Yanmar, mang đến hiệu suất hoạt động mạnh mẽ trong cả điều kiện ruộng sinh lầy và ruộng khô.

Dàn xới



Dàn bừa



Dàn cày



Dàn ủi



Nâng cao hiệu quả hoạt động với hiệu suất mạnh mẽ



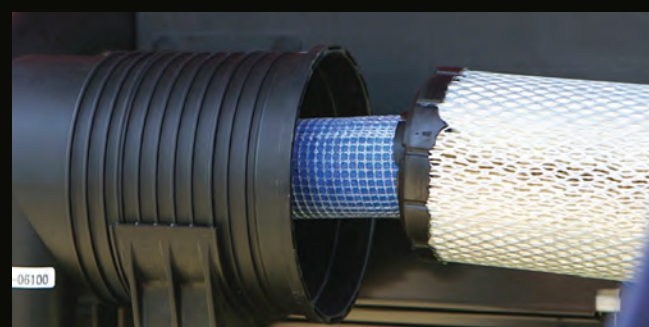
Được trang bị động cơ TNV nổi tiếng của Yanmar

Động cơ công suất cao, chịu được tải nặng và hoạt động tốc độ cao. Giảm chi phí vận hành với khả năng tiết kiệm nhiên liệu hiệu quả.



Động cơ diesel TNV

39 mã lực/2800 vòng/phút



Đảm bảo hiệu suất hoạt động của động cơ trong mọi điều kiện đông ruộng và môi trường khác nhau

Nhiên liệu được đốt hoàn toàn với dòng khí nạp sạch hơn thông qua 2 lọc gió, với động cơ không thải khói đen và tiết kiệm nhiên liệu hiệu quả.



Hệ thống tản nhiệt với thể tích và tiết diện lớn giúp máy vận hành ổn định trong suốt ngày dài làm việc với cường độ cao.

Thao tác linh hoạt trên cả ruộng khô và ruộng ướt



Bán kính quay vòng nhỏ và không phá đất

Góc lái bánh trước tối đa lên đến 55 độ, cùng với bán kính quay vòng nhỏ, giúp máy bẻ lái mà không bị đùn đất, cho kết quả công việc tốt hơn, đất sau khi cày xới đẹp hơn.



Trang bị hệ thống lái trợ lực hoàn toàn bằng thủy lực

Được trang bị xy lanh trợ lực lớn. Đánh lái dễ dàng giúp máy vận hành tiện lợi và mượt mà ngay cả với ruộng ướt. Giảm rung động từ bánh xe đến tay người lái bằng hệ thống lái trợ lực hoàn toàn bằng thủy lực.

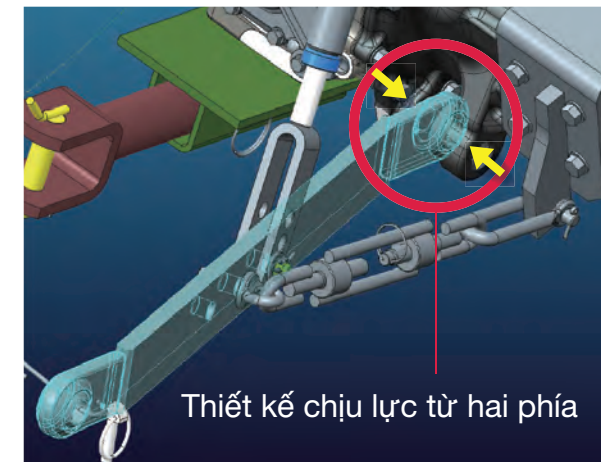


Xy lanh trợ lực lái lớn

Hoạt động trơn tru và mạnh mẽ

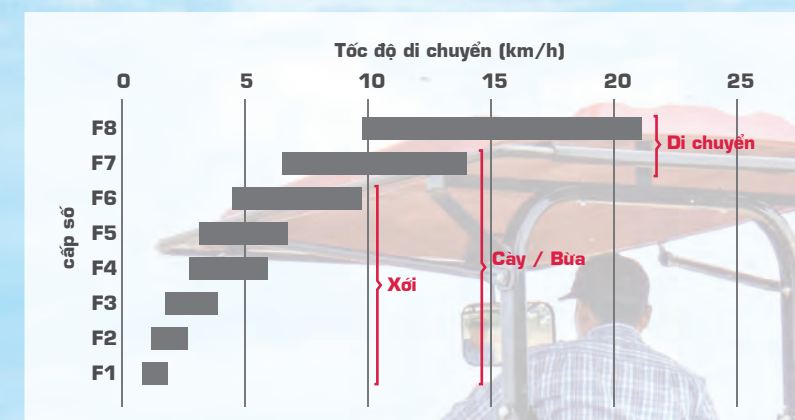
Hệ thống truyền động chắc chắn và bền bỉ

Thanh nối dưới chắc chắn cùng với bơm thủy lực mạnh giúp máy có thể nâng các nông cụ nặng lên đến 750 kg.



Thiết kế chịu lực từ hai phía

Thanh nối dưới



Hộp số 8 số tiến, 8 số lùi + 2 số PTO đem đến nhiều chọn lựa mức tốc độ phù hợp cho từng hoạt động

Việc lựa chọn nhiều mức tốc độ tương ứng với từng điều kiện làm việc giúp tối ưu hóa năng suất làm việc và tiết kiệm chi phí nhiên liệu.



Các cần điều khiển được bố trí hợp lý giúp thao tác thuận tiện, thoải mái



Cần điều khiển được bố trí tối ưu để vận hành máy dễ dàng và giúp người điều khiển thoải mái khi làm việc

Vị trí các cần điều khiển được bố trí xung quanh người vận hành, sàn chân rộng và ghế ngồi thoải mái giúp người vận hành có thể chạy máy cả ngày dài mà không mệt mỏi.



Đồng tốc lùi

Thao tác tiến, lùi nhanh chóng chỉ với một cần điều khiển duy nhất phía bên trái tay lái.



Cần số chính

Thay đổi tốc độ dễ dàng với dãy 4 số trực tiếp

2 số PTO

2 số PTO tùy chọn để làm việc hiệu quả

Ghế ngồi thoải mái

Có thể điều chỉnh độ linh hoạt và tạo sự thoải mái. Ghế ngồi có thể gấp lại được

Dễ dàng bảo dưỡng

Nắp ca-po mở hoàn toàn

Mở nắp ca-po hoàn toàn chỉ bằng một thao tác kéo giúp thuận tiện trong việc kiểm tra ắc quy và dầu nhớt hàng ngày, đảm bảo máy sử dụng lâu bền.



Ắc quy

Nhớt động cơ

Lọc gió



Máy được thiết kế cân bằng tốt cho mọi hoạt động canh tác

Dàn xới

Tên model			RH 160 S	RH 170 (-L)
Hệ thống truyền động	Hộp truyền động chính	Loại	Bánh răng côn thẳng	Bánh răng côn thẳng
		Tỷ số	14T / 27T	14T / 27T
	Hộp xích bên		Dây xích bên	The side chain
Kích thước: Rộng x Dài x Cao			mm835 x 1775 x 1030	mm845 x 1875 x 1030 (985 x 2578 x 1030)
Trọng lượng			kg290	kg300 (325)
Chiều rộng xới			mm1575	mm1665
Loại lưỡi xới			Dạng L & C	Dạng L & C
Số lưỡi	Trái	lưỡi	24	24
	Phải	lưỡi	24	24
Tốc độ (trục xới/ trục PTO)			vòng/phút237 / 540	vòng/phút237 / 540
Kết hợp với máy kéo			PS35 - 51	PS35 - 51
Tốc độ làm việc (tham khảo)			km/h2 - 5	km/h2 - 5



Dàn bừa

Tên model		Y2250PDL	Y2250PDK	Y2260PDL	Y2260PDK
Kích thước chảo	inch	22	22	22	22
Số chảo	cái	5	5	6	6
Rộng x Dài x Cao	mm	1250 x 1850 x 950	1430 x 2050 x 1050	880 x 2120 x 930	1430 x 2050 x 1050
Trọng lượng	kg	204	330	350	340
Độ sâu bừa	mm	120 - 150	120 - 150	120 -150	120 - 150
Bề rộng bừa	mm	1130	1170	1430	1170
Loại đất		Bất kỳ	Bất kỳ	Bất kỳ	Bất kỳ
Kết hợp với máy kéo	PS	35 - 39	35 - 39	39	35 - 39
Tốc độ làm việc (tham khảo)	km/h	3 - 8	3 - 8	3 - 8	3 - 8



Dàn cày

Tên model		Y2230DPL	Y2230DPK	Y2240DPL	Y2240DPK
Kích thước chảo	inch	22	22	22	22
Số lượng chảo	cái	3	3	4	4
Rộng x Dài x Cao	mm	1000 x 1850 x 1070	900 x 1860 x 1115	920 x 2300 x 1050	1140 x 2340 x 1115
Trọng lượng	kg	180	280	305	335
Độ sâu cày	mm	150 - 200	200 - 250	150 - 200	200 - 250
Bề rộng cày	mm	965	700	1420	910
Loại đất		Bất kỳ	Bất kỳ	Bất kỳ	Bất kỳ
Kết hợp với máy kéo	PS	35 - 39	35 - 39	35 - 39	35 - 39
Tốc độ làm việc (tham khảo)	km/h	3 - 8	3 - 8	3 - 8	3 - 8



Dàn ủi

Tên model		Y1600FBS	Y1700FBG	Y1700FBS
Trọng lượng dàn ủi	kg	230	290	273
Chiều rộng dàn ủi	mm	490	490	490
Chiều cao dàn ủi	mm	1600	1700	1700
Kích thước xy lanh thủy lực	Đường kính trong	mm38	mm40	mm38
	Đường kính xy lanh	mm50	mm50	mm50
	Hành trình xy lanh	mm340	mm310	mm380
Kết hợp với máy kéo	PS	31 - 39	31 - 39	31 - 39
Tốc độ làm việc (tham khảo)	km/h	3 - 4	3 - 4	3 - 4



Thông số kỹ thuật

Kiểu máy				EF393T
Động cơ	Nhà sản xuất			YANMAR
	Kiểu			3TNV88
	Loại			Động cơ diesel 4 thì, phun trực tiếp, làm mát bằng nước
	Số lượng xy lanh			3
	Đường kính x Hành trình pit tổng		mm	88 x 90
	Tổng dung tích xy lanh		lít	1.642
	Công suất		kW (PS) / rpm	28.7 (39.0) / 2800
	Thùng nhiên liệu		lít	38
Kích thước	Chiều dài tổng thể (không bao gồm móc 3 điểm)		mm	2940
	Chiều rộng tổng thể		mm	1430
	Chiều cao tổng thể		mm	1950
	Khoảng cách trục bánh xe		mm	1650
	Khoảng sáng gầm		mm	400
	Vệt bánh xe	Trước	mm	1065
		Sau	mm	1120
Trọng lượng			kg	1090
Hệ thống chuyển động	Vỏ xe	Trước	inch	8 - 16
		Sau	inch	12.4 - 24
	Hệ thống ly hợp			Loại khô, đĩa đơn
	Hệ thống phanh			Đĩa ướt, nhiều đĩa
	Hệ thống lái			Trợ lực thủy lực
	Trục chính			Khớp trượt
	Số lùi			Đồng tốc
	Cấp số			8 tiến / 8 lùi
	Tốc độ di chuyển tối đa	Tiến	km/h	1.90 - 21.1
		Lùi	km/h	1.84 - 20.5
Cụm thủy lực	Bán kính xoay vòng nhỏ nhất		m	2.4
	Hệ thống điều khiển thủy lực			Điều khiển nâng hạ
	Móc 3 điểm			Loại 1
	Sức nâng tối đa	Tại thanh nối dưới	kN (kgf)	9.1 (925)
		24" sau điểm nâng	kN (kgf)	7.4 (750)
PTO	Kích thước trục			SAE 1 - 3 / 8, 6-Splines
	Số 1	tốc độ / (vòng/phút)		584 / 2800
	Số 2	tốc độ / (vòng/phút)		836 / 2800

Chú ý: Tất cả số liệu kỹ thuật, kích thước và trọng lượng chỉ mang tính chất tương đối, nhà sản xuất có quyền thay đổi mà không cần thông báo trước.

